

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

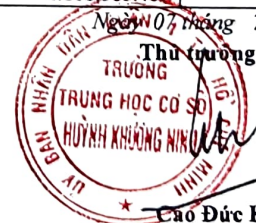
Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Trung học cơ sở Huỳnh Khương Ninh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng					
Số TT	Nội dung	Tồn đầu	Thu trong kỳ	Ước thực hiện chi quý II/2023	Số dư còn lại tại ngày 30/06/2023
1	2			4	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí			-	
II	Số thu từ nguồn thu khác	3.476.032.279	3.765.604.686	3.735.851.942	3.505.785.023
	Tổ chức phục vụ HSBT	154.972.705	227.839.291	339.909.338	42.902.658
	Vệ sinh Bán trú	78.544.911	55.675.000	65.359.598	68.860.313
	Thiết bị, vật dụng PVHSBT	-	750.000	15.000	735.000
	Tăng cường Tiếng Anh	-45.051.729	180.780.000	127.538.676	8.189.595
	Giấy thi	642.000	-	642.000	-
	Tiền ăn BT	480.706.677	623.760.000	1.105.920.000	-1.453.323
	Tiền gửi Tiền điện	-10.189.706	38.937.500	29.307.794	-560.000
	Nước uống BT	17.051.305	10.860.000	26.911.500	999.805
	Lãi TG	-118.344	2.747.895	2.779.476	-149.925
	Tin học IC3	-7.294.033	191.662.500	50.750.588	133.617.879
	Anh văn giao tiếp K6	261.437.628	331.887.500	468.241.450	125.083.678
	Kỹ năng sống K6	23.630.905	37.040.000	60.181.800	489.105
	Năng khiếu K6	209.590.379	190.762.500	204.828.875	195.524.004
	Robotics K6	209.945.000	208.615.000	343.515.000	75.045.000
	Toán tư duy K6	30.048.176	239.440.000	110.861.309	158.626.867
	Ngoại khóa K6	-242.023.700	484.987.500	240.540.000	2.423.800
	CSVK K6	1.089.023.417	508.212.500	111.665.250	1.485.570.667
	Câu lạc bộ STEM	-42.080.348	166.107.500	100.163.100	23.864.052
	Tin học ICDL	-15.047.375	225.540.000	167.531.188	42.961.437
	Khai thác CSVK (cần tin)	174.583.500	40.000.000	-	214.583.500
	Hoạt động dịch vụ (bãi xe)	284.120.000	-	-	284.120.000
	Quỹ khen thưởng	88.997.427	-	11.000.000	77.997.427
	Quỹ phúc lợi	222.490.521	-	15.100.000	207.390.521
	Quỹ PTHĐ sự nghiệp	189.602.682	-	28.300.000	161.302.682
	Quỹ bổ sung thu nhập	189.075.281	-	-	189.075.281
	Nguồn tài trợ CMHS	133.375.000	-	124.790.000	8.585.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.179.491.647	-	2.208.385.467	7.971.106.180
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	148.621.974	0	-	148.621.974
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.030.869.673	0	2.208.385.467	7.822.484.206

Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Thư trưởng đơn vị



Cao Đức Khoa